

TÒA ÁN ND HUYỆN VINH LỘC
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 06/8/2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VINH LỘC, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tường Vân

Ông Phạm Hồng Kiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Lệ Thuỷ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thúy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 8 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Trịnh Thanh Đ (tên gọi khác Trịnh Văn Đ) - sinh năm: 1982;

Địa chỉ: Thôn P, xã Y, huyện V, tỉnh T.

Có mặt

2. *Bị đơn:* Chị Mai Thị H - sinh năm 1985;

Địa chỉ: Thôn P, xã Y, huyện V, tỉnh T.

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 5 năm 2024, bản tự khai ngày 04 tháng 6 năm 2024 và quá trình làm việc tại Tòa án nguyên đơn anh Trịnh Thanh Đ trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Mai Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện V, tỉnh T vào ngày 18/02/2005. Trong quá trình chung sống vợ chồng chỉ hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu

thuận. Nguyên nhân do tính tình không hợp nên vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm cãi vã lẫn nhau, đã nhiều lần hai bên gia đình nội ngoại hoà giải nhưng tình trạng mâu thuẫn vẫn không cải thiện được. Từ năm 2016 đến nay vợ chồng sống ly thân nhau không ai quan tâm đến ai nữa. Nay anh Trịnh Thanh Đ xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc gia đình không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Đ yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Mai Thị H.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Trịnh Thanh Đ1 - sinh ngày 04/12/2005 (giới tính: Nam) và Trịnh Thanh H1 – sinh ngày 15/5/2015 (giới tính: Nam). Cháu Trịnh Thanh Đ1 đã đủ tuổi thành niên nên anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn anh Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1 đến tuổi thành niên (18 tuổi), anh không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Anh Trịnh Thanh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản trình bày ý kiến về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con ngày 05/7/2024 bị đơn là chị Mai Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Mai Thị H và anh Trịnh Thanh Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện V, tỉnh T. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nên vợ chồng đã sống ly thân nhau. Nay anh Trịnh Thanh Đ làm đơn xin ly hôn chị H cũng đồng ý ly hôn vì chị xác định tình cảm vợ chồng không còn.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Trịnh Thanh Đ1 - sinh ngày 04/12/2005 (giới tính: Nam) và Trịnh Thanh H1 – sinh ngày 15/5/2015 (giới tính: Nam). Cháu Trịnh Thanh Đ1 đã đủ tuổi thành niên nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Từ khi vợ chồng sống ly thân cháu H1 được chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1 đến tuổi thành niên (18 tuổi), chị H không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản xác minh ngày 13/6/2024, UBND xã Y, huyện V, tỉnh T nơi anh Đ và chị H có đăng ký hộ khẩu thường trú cho biết: Anh Trịnh Thanh Đ (tên gọi khác Trịnh Văn Đ), sinh năm 1982 và chị Mai Thị H, sinh năm 1985 đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn P, xã Y, huyện V, tỉnh T có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện V, tỉnh T vào ngày 18/02/2005. Sau khi kết hôn chị H về nhà anh Đ sinh sống cùng với anh Đ và bố, mẹ chồng. Đến năm 2016, vợ chồng anh Đ, chị H xảy ra mâu thuẫn, nên hai người sống ly thân nhau. Anh Đ đi chỗ khác ở còn chị H và 02 con vẫn sống cùng với bố mẹ chồng. Chính quyền địa phương cũng không nắm được nguyên nhân vợ chồng anh Đ, chị H mâu thuẫn là gì, chỉ nghe làng xóm phản ánh vợ chồng anh chị khi đang chung sống với nhau cũng hay cãi vã lẫn nhau. Vợ chồng anh Trịnh Thanh Đ và chị Mai Thị H có 02 con chung tên là: Trịnh Thanh

Đ1 – sinh ngày 04/12/2005 (giới tính: Nam) và Trịnh Thanh H1 – sinh ngày 15/5/2015 (giới tính: Nam). Từ khi vợ chồng anh Đ, chị H ly thân cả 02 con ở cùng ông bà nội và chị H. Khi cháu Đ1 học xong cấp 3 đã vào Miền Nam đi học nghề, cháu H1 còn nhỏ vẫn ở cùng với ông bà nội và đang học tại trường tiểu học Y. Về điều kiện kinh tế: Anh Trịnh Thanh Đ và chị Mai Thị H đều đi làm ăn xa, anh Đ làm tại Hà Nội, chị H làm trong Miền Nam, nhưng cả hai anh chị đều thường xuyên về địa phương. Khi anh Đ về thì ở tại thôn M, xã Y, chị H về thì ở tại nhà bố mẹ chồng là ông Trịnh Văn Đ2, bà Bùi Thị C tại thôn P cùng với con trai là Trịnh Thanh H1. Tuy anh Đ và chị H không chung sống với nhau nữa nhưng bố mẹ anh Đ vẫn rất quý chị H, yêu thương chị H và các cháu nội. Vì anh Đ, chị H đều đi làm ăn xa nên chính quyền địa phương cũng không biết anh Đ và chị H làm công việc gì, thu nhập như thế nào. Tại xã Y anh Đ không có nhà đất, chị H có 01 thửa đất tại thôn H, xã Y nhưng chưa có nhà. Về đạo đức, lối sống: Quá trình sinh sống tại địa phương xã Vĩnh Yên anh Đ, chị H có đạo đức tốt, chấp hành tốt các quy định của nơi cư trú, không vi phạm pháp luật.

Tại phiên tòa anh Trịnh Thanh Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn chị Mai Thị H. Về con chung, để không làm xáo trộn cuộc sống của con và theo nguyện vọng của con anh Đ đồng ý để cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trịnh Thanh H1 đến khi con đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con, anh và chị H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa như sau:

- Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay, thấy rằng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn của mình và tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn đã tuân theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có mặt, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ cũng như tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trịnh Thanh Đ, xử cho anh Đ được ly hôn chị Mai Thị H.

Giao con chung là Trịnh Thanh H1 - sinh ngày 15/5/2005 (giới tính: Nam) cho chị Mai Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Trịnh Thanh Đ không phải có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H vì chị H không có yêu cầu.

- Về án phí: Anh Trịnh Thanh Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Trịnh Thanh Đ có đơn khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với chị Mai Thị H có hộ khẩu thường trú tại xã Y, huyện V, tỉnh T. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là vụ án: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

[2] Về hôn nhân: Anh Trịnh Thanh Đ và chị Mai Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện V, tỉnh T vào ngày 18/02/2005. Xác định quan hệ hôn nhân giữa anh Trịnh Thanh Đ và chị Mai Thị H là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nhất là từ năm 2016 vợ chồng sống ly thân nhau, không còn quan tâm đến nhau nữa. Anh Đ xét thấy đến nay tình cảm vợ chồng giữa anh và chị H không còn nữa nên đề nghị được giải quyết ly hôn chị H. Chị H cũng xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Đ không còn, nên chị H cũng đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Cuộc sống hôn nhân giữa anh Trịnh Thanh Đ và chị Mai Thị H đã thực sự tan vỡ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh Trịnh Thanh Đ được ly hôn chị Mai Thị H là phù hợp.

[3] Về con chung: Anh Trịnh Thanh Đ và chị Mai Thị H thống nhất vợ, chồng có 02 con chung tên là Trịnh Thanh Đ1 - sinh ngày 04/12/2005 (giới tính: Nam) và Trịnh Thanh H1 – sinh ngày 15/5/2015 (giới tính: Nam). Cháu Trịnh Thanh Đ1 đã đủ tuổi thành niên nên anh Đ, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Từ khi vợ chồng sống ly thân nhau cháu H1 ở cùng với mẹ và ông bà nội. Khi ly hôn anh Đ, chị H đều có yêu cầu và theo nguyện vọng của cháu H1 là giao cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trịnh Thanh H1. Về cấp dưỡng: Chị H không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị. Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vợ chồng anh tự thỏa thuận.

Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu Trịnh Thanh Đ1 đã đủ tuổi thành niên, anh Đ và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Cháu Trịnh Thanh H1 đang được chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, cuộc sống sinh hoạt và học tập của cháu đang ổn định. Cháu phát triển tốt về thể chất cũng như tinh thần. Anh Đ và chị H đều có nguyện vọng giao cho chị H tiếp tục được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và dạy dỗ con, cháu H1 cũng có nguyện vọng muốn được tiếp tục ở cùng với mẹ. Nguyện vọng của anh Đ, chị H và cháu H1 là hoàn toàn chính đáng. Để không làm xáo trộn cuộc sống sinh hoạt, không gây ảnh hưởng đến tâm lý và sự phát triển bình thường của cháu bé về mọi mặt. Do đó, giao con chung là Trịnh Thanh H1 cho chị H được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng: Chị Mai Thị H không yêu cầu anh Trịnh Thanh Đ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị, anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đây là sự tự nguyện của chị H nên Hội đồng xét xử không xem xét. Chị H có quyền làm đơn yêu cầu anh Đ phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung bằng một vụ án khác.

Anh Trịnh Thanh Đ được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cấm anh thực hiện quyền này và anh có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con theo quy định tại điều 82, 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Anh Trịnh Thanh Đ và chị Mai Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Trịnh Thanh Đ phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Chị Mai Thị H không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 5, khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Trịnh Thanh Đ được ly hôn chị Mai Thị H.

2. Về con chung:

2.1 Giao con chung là Trịnh Thanh H1 - sinh ngày 15/5/2015 (giới tính: Nam) cho chị Mai Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con thành niên (18 tuổi).

2.2. Anh Trịnh Thanh Đ không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Mai Thị H. Chị Mai Thị H có quyền làm đơn yêu cầu anh Đ phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung bằng một vụ án khác.

2.3. Anh Trịnh Thanh Đ có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cấm, cản trở anh thực hiện quyền này và anh có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con.

3. Về án phí: Anh Trịnh Thanh Đ phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng). Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006105 ngày 23/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. (Anh Đ đã nộp đủ tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm).

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Anh Trịnh Thanh Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Mai Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Vĩnh Lộc;
- Các đương sự;
- UBND xã Y;
- Chi cục THA DS huyện Vĩnh Lộc;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hương Giang